

Số: **0 4 8 3**/CMV – BC

Hà Nội, ngày **25** tháng **3** năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100100015 đăng ký lần đầu ngày 23/01/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 01/10/2015 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp
- Vốn điều lệ: 1.050.000.000 .000 VNĐ (*Một nghìn, không trăm, năm mươi tỷ đồng*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1 031 041 000 000 VNĐ (*Một nghìn, không trăm ba mươi một tỷ, không trăm bốn mươi một triệu đồng*). Chủ sở hữu: Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.
- Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
- Số điện thoại: 04- 36647515 Số fax: 04-36647493
- Website: www.cmv.vn
- Mã cổ phiếu: MVB
- Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP cổ phần hóa từ Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc – Vinacomin thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam theo Quyết định số 132/QĐ–TTg ngày 26/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con và chính thức hoạt động là công ty cổ phần từ 01/10/2015. Tổng công ty trở thành công ty đại chúng kể từ ngày 28/01/2016. Cổ phiếu của Tổng công ty với mã chứng khoán MVB chính thức giao dịch trên UPCoM từ ngày 14/10/2016.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: khai thác sản xuất than; sản xuất xi măng, vật liệu xây dựng; sản xuất cơ khí và kinh doanh tổng hợp.
- Địa bàn kinh doanh: Hà Nội, Hà Nam, Thanh Hóa và các tỉnh phía bắc: Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Cao Bằng, Bắc Cạn, Lào Cai, Hà Giang.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị: xây dựng ban hành các quy chế quản lý mọi hoạt động của Tổng công ty, kinh doanh đúng pháp luật, tăng trưởng phát triển doanh nghiệp và đảm bảo lợi ích của các cổ đông.
- Cơ cấu bộ máy quản lý: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Bộ máy điều hành. Hội đồng quản trị 05 người, Ban kiểm soát 03 người. Các Thành viên HĐQT, Ban KS do Đại hội đồng cổ đông bầu.
- Bộ máy điều hành hiện nay:
 - + Tổng giám đốc, 03 Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Tổng công ty.
 - + Các phòng chức năng có 10 phòng quản lý nghiệp vụ.

- Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP có 04 Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ - Tổng công ty, 09 Công ty con là công ty cổ phần và 01 Công ty liên kết (theo bảng dưới đây):

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Tcty (%)
I	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ				
1	Công ty Than Na Dương - VVMI	Thị trấn Na Dương, Huyện Lộc Bình, Tỉnh Lạng Sơn	Sản xuất và kinh doanh than	-	-
2	Công ty Than Khánh Hòa - VVMI	Xã Sơn Cẩm, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất và kinh doanh than	-	-
3	Công ty Than Núi Hồng - VVMI	Xã Yên Lãng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên	SXKD than, đá XD và kinh doanh tổng hợp	-	-
4	Trung tâm Điều dưỡng ngành Than - VVMI	Số 41 Đường Thanh Niên, Thị xã Sầm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	Điều dưỡng phục hồi chức năng và KD khách sạn	-	-
II	Công ty con				
1	Công ty CP Xi măng La Hiên – VVMI	Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên	SXKD xi măng, vật liệu xây dựng	100,0	51,38
2	Công ty CP Xi măng Tân Quang – VVMI	Xóm 8, Xã Tràng Đà, Thành phố Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang	SXKD xi măng, vật liệu xây dựng	350,0	57,14
3	Công ty CP Xi măng Quán Triều – VVMI	Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên	SXKD xi măng, vật liệu xây dựng	250,0	84,91
4	Công ty CP Sản xuất và KD VTTB – VVMI	Tổ 26, Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	SXKD lưới thép lót nóc lò, vỏ bao XM và kinh doanh vật tư thiết bị	12,5	51,00
5	Công ty CP Cơ khí và thiết bị áp lực – VVMI	506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	Sửa chữa thiết bị mỏ, SXKD thiết bị áp lực và kinh doanh vật tư thiết bị	12,0	51,00

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Tcty (%)
6	Công ty CP Cơ khí mở Việt Bắc – VVMI	Xã Cù Vân, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên	Sửa chữa thiết bị mở, SXKD phụ tùng cơ khí	9,0	51,00
7	Công ty CP Vật liệu XD và KĐTH – VVMI	Xã Tân Mỹ, Huyện Văn Lãng, Tỉnh Lạng Sơn	SXKD đá XD các loại và kinh doanh tổng hợp	7,5	51,00
8	Công ty CP Đầu tư và xây dựng – VVMI	Tổ 20, Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	Xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng	9,9	51,00
9	Công ty CP Khách sạn Thái Nguyên – VVMI	Số 2, Đường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên	Dịch vụ khách sạn, du lịch lữ hành và kinh doanh tổng hợp	7,5	51,00
III	Công ty liên kết				
1	Công ty CP Thiết bị khai thác mỏ	30B Đoàn Thị Điểm, Quận Đống Đa, TP Hà Nội	Kinh doanh XNK vật tư thiết bị khai thác mỏ	6,00	29,00

4. Định hướng phát triển/ Development orientations

Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối ưu hóa các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp cho ngân sách nhà nước, không ngừng phát triển Tổng công ty ngày càng lớn mạnh

- **Đối với sản phẩm than**

Duy trì và mở rộng tối đa biên giới khai thác theo cả chiều sâu và chu vi ruộng mỏ đối với các Mỏ than Khánh Hòa, Na Dương và Núi Hồng để khai thác ổn định lâu dài:

a) Mỏ than Núi Hồng: Để phù hợp với nhu cầu tiêu thụ than cho Nhà máy nhiệt điện Cao Ngạn, sản lượng than khai thác phần lộ thiên của mỏ sẽ duy trì mức 400.000 tấn/năm.

b) Mỏ than Na Dương: Đầu tư mở rộng nâng công suất Mỏ than Na Dương từ 600.000 tấn/năm lên 1.200.000 tấn/năm để khai thác đáp ứng được nhu cầu than cho Nhà máy nhiệt điện Na Dương I và II với công suất 200 MW từ sau năm 2020.

c) Mỏ than Khánh Hòa: Tập trung công tác đền bù giải phóng mặt bằng, cân đối hiệu quả sản xuất kinh doanh trong điều kiện công tác đền bù GPMB hết sức khó khăn và chi phí GPMB lớn, giá thành khai thác cao. Tổng công ty sẽ tính toán, cân đối khai thác với sản lượng hợp lý, đảm bảo cung cấp đủ than cho Nhà máy nhiệt điện Cao Ngạn và một phần hoặc cung cấp đủ than cho các nhà máy xi măng trong Tổng công ty.

- **Đối với các sản phẩm của các công ty con (Công ty cổ phần)**

a) Sản phẩm xi măng:

- Phát huy công suất các nhà máy xi măng đã đầu tư, đa dạng hóa sản phẩm, đảm bảo chất lượng, thương hiệu được người tiêu dùng ưa chuộng

- Đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, thiết bị, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để cải tiến hợp lý hoá các dây chuyền sản xuất nhằm nâng cao chất lượng, giảm giá thành sản phẩm, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

b) Sản phẩm cơ khí:

+ Nâng cao năng lực chế tạo cơ khí, đầu tư các thiết bị gia công cơ khí có độ chính xác cao, đảm bảo cung ứng phụ tùng cho sản xuất than, khoáng sản, điện, xi măng và sản xuất khác trong ngành và vươn ra thị trường ngoài ngành;

+ Đầu tư chiều sâu để cơ khí sửa chữa đảm đương được nhiệm vụ trước mắt và lâu dài, đủ sức sửa chữa các thiết bị tiên tiến có yêu cầu kỹ thuật cao.

c) Sản xuất khác: Kết hợp cả đầu tư chiều sâu và chiều rộng để phát triển phù hợp với sự tăng trưởng của Tổng công ty, Tập đoàn đảm bảo hiệu quả kinh doanh. Chú trọng phát triển những sản phẩm hiện có như: vỏ bao xi măng, vỏ bao alumin, sản xuất đá các loại, đất sét, xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng v,v.....

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh :

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	NQ ĐHCĐ NĂM 2018	TH NĂM 2018	Tỷ lệ (%)
1	Các chỉ tiêu hiện vật				
	Than nguyên khai	Tấn	1 308 000	1 440 007	110,1
	Bóc đất đá	m ³	9 200 000	10 752 644	116,9
	Than sạch sản xuất	Tấn	1 430 000	1 698 621	108,8
	Than tiêu thụ	Tấn	1 430 000	1 714 945	120
2	Vốn điều lệ	Tr.đồng	1 050 000	1 050 000	100
3	Tổng doanh thu	"	1 597 206	2 323 118	145
4	Lợi nhuận trước thuế	"	80 809,9	237 433	294
5	Nộp thuế TNDN	"	14 479	55 818	235
6	Lợi nhuận sau thuế	"	63 330,9	191 267	302
7	Tỷ lệ trả cổ tức/Vốn điều lệ	%	6	(Dự kiến) 12	200
8	Đầu tư xây dựng	Tr.đồng	190 090	118 430	62

Năm 2018, Tổng công ty đã nắm bắt cơ hội về thị trường tiêu thụ than và xi măng tương đối thuận lợi nên đã tìm mọi biện pháp để đẩy mạnh sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Tổng công ty đã chỉ đạo các đơn vị bám sát những nhiệm vụ chính, xác định rõ các ngành, nghề, lĩnh vực, sản phẩm chính để tập trung phát triển, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, năng lực cạnh tranh và tái cơ cấu toàn diện, xây dựng Tổng công ty là một doanh nghiệp có trình độ công nghệ, mô hình quản trị theo hướng hiện đại và chuyên môn hóa cao, cơ cấu tổ chức gọn nhẹ, hợp

lý. Bằng những quyết sách đúng đắn, các giải pháp đồng bộ và công tác chỉ đạo, điều hành chủ động, linh hoạt nên hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty đã có hiệu quả rõ rệt, đạt và vượt cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

1) Trần Hải Bình - Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam Ngày sinh: 16/10/1974 Nơi sinh: Hưng Yên
- Số CMND: 033074000030 Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phòng 428- Nhà CT5- Mỹ Đình Mễ Trì – Mỹ Đình 1 – Nam Từ Liêm – Hà Nội.
- Điện thoại liên lạc: 0913599863
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, kỹ sư khai thác mỏ
- Trình độ ngoại ngữ: Cử nhân ngoại ngữ (Tiếng Anh)
- Tổng số cổ phần nắm giữ:
 - Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không
 - Cá nhân sở hữu : 41 800 cổ phần
- Tổng số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: (bố mẹ đẻ, bố mẹ nuôi, vợ (chồng), con, anh chị em ruột.....): Không
- Những khoản nợ đối với Tổng công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổng công ty: Theo Luật DN và Điều lệ Tổng công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng công ty: Không

2) Vũ Đình Lân - Phó Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam Ngày sinh: 12/9/1960 Nơi sinh: Hải Dương
- Số CMND: 012557089 Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: 565 Đường Nguyễn Trãi - Hà Đông - Hà Nội
- Điện thoại liên lạc: 0913232498
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế mỏ
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh (A)
- Tổng số cổ phần nắm giữ:
 - Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước
 - Cá nhân sở hữu : 13 500 cổ phần
- Tổng số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: (bố mẹ đẻ, bố mẹ nuôi, vợ (chồng), con, anh chị em ruột.....): Không
- Những khoản nợ đối với Tổng công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổng công ty: Theo Luật DN và Điều lệ Tổng công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng công ty: Không

3) Ngô Ngọc Sơn: Phó Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam Ngày sinh: 19/8/1961 Nơi sinh: Bắc Ninh
- Số CMND: 011822545 Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 22- Khu A Học viện âm nhạc Quốc gia Hà Nội Ngõ 45 Hào Nam –Ô chợ Dừa - Đống Đa- Hà Nội
- Điện thoại liên lạc: 0913.346.966

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện mỏ, Kỹ sư kinh tế , Cử nhân luật
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh (A)
- Tổng số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không
 - + Cá nhân sở hữu : 3 000 Cổ phần
- Tổng số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: (bố mẹ đẻ, bố mẹ nuôi, vợ (chồng), con, anh chị em ruột.....: Không
- Những khoản nợ đối với Tổng công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổng công ty: Theo Luật DN và Điều lệ Tổng công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng công ty: Không

4) Vũ Minh Tân - Phó Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam Ngày sinh: 01/01/1967 Nơi sinh: Thái Nguyên
- Số CMND: 090624114 Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 3- Phường Hoàng Văn Thụ-Thành phố Thái Nguyên- Thái Nguyên
- Điện thoại liên lạc: 0946.568.999
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế, Kỹ sư cơ khí chế tạo máy, Kỹ sư khai thác mỏ
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh (A)
- Tổng số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không
 - + Cá nhân sở hữu : Không
- Tổng số CP nắm giữ của người có liên quan: (bố mẹ đẻ, bố mẹ nuôi, vợ (chồng), con, anh chị em ruột.....: Không
- Những khoản nợ đối với Tổng công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổng công ty: Theo Luật DN và Điều lệ Tổng công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng công ty: Không

5) Lương Xuân Quang - Kế toán trưởng

- Giới tính: Nam Ngày sinh: 07/09/1977 Nơi sinh: Hải Phòng
- Số CMND: 090661810 Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phòng 708 Nơ 4A bán đảo Linh Đàm- Hoàng Liệt- Hoàng Mai- Hà Nội
- Điện thoại liên lạc: 0912.789.478
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ kinh tế công nghiệp
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh (A)
- Tổng số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước
 - + Cá nhân sở hữu : 11 600 cổ phần
- Tổng số CP nắm giữ của người có liên quan: (bố mẹ đẻ, bố mẹ nuôi, vợ (chồng), con, anh chị em ruột: 1 700 cổ phần
- Những khoản nợ đối với Tổng công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổng công ty: Theo Luật DN và Điều lệ Tổng công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng công ty: Không

2.2. *Những thay đổi trong Ban điều hành:* Không có.

2.3. *Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách với người lao động:*

- Tổng số cán bộ công nhân viên Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP là 2 035 người

- Chính sách tiền lương: Tổng công ty Công ty nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP đã ban hành quy chế về quản lý lao động tiền lương dựa trên các căn cứ quy định của nhà nước và của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam. Trả lương căn cứ vào năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc, không hạn chế mức tối đa đối với người có tài năng, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật giỏi, có đóng góp nhiều cho đơn vị. Phân phối tiền lương đảm bảo công khai, công bằng hợp lý cho từng người, từng bộ phận lao động.

Ngoài việc trả lương theo thời gian, khoán sản phẩm, công việc cho người lao động. Tổng công ty còn áp dụng hình thức bổ sung tiền lương để khuyến khích người lao động làm việc đủ và vượt ngày công lao động định mức, đảm bảo an toàn, tăng năng suất lao động (lũy tiến), tiết kiệm chi phí; bổ sung tiền lương cho NLD vào dịp lễ, tết, ngày thành lập đơn vị v,v.... Chính sách trả lương đã khuyến khích, động viên người lao động không ngừng phấn đấu tăng năng suất lao động, chất lượng công tác hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Chính sách bảo hiểm: Tổng công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm cho người lao động theo đúng quy định của Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành gồm: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp.

- Chính sách khác: Tổng công ty xây dựng và ký kết Thỏa ước lao động tập thể với nhiều điều khoản có lợi hơn cho người lao động so với quy định của Nhà nước cụ thể như: thường xuyên quan tâm nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động, tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao, hội diễn văn nghệ trong Tổng công ty, giao lưu với các đơn vị bạn và với địa phương nơi đóng quân. Tổ chức thăm hỏi động viên kịp thời người lao động khi bị ốm đau, hiếu hi v,v....

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Tình hình thực hiện đầu tư xây dựng năm 2018:

Năm 2018, Giá trị thực hiện đầu tư là 118 430 triệu đồng, bằng 62% nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018 và bằng 73,8% kế hoạch năm (Kế hoạch điều chỉnh là 160 477 triệu đồng). Các dự án đầu tư đã được triển khai khẩn trương đảm bảo tuân thủ qui định hiện hành, các công trình đưa vào sử dụng đều đã phát huy được hiệu quả, đáp ứng kịp thời nhu cầu của sản xuất.

Giá trị thực hiện đầu tư năm 2018 đạt thấp chủ yếu là do công tác đền bù GPMB tại các đơn vị sản xuất than chưa đạt kế hoạch đã đặt ra. Nguyên nhân chủ yếu là do một số hộ dân trong diện đền bù GPMB chưa hợp tác và có nhiều đòi hỏi cao hơn so với quy định. Bên cạnh đó, Tổng công ty đã chủ động giãn tiến độ đầu tư các hạng mục thuộc Dự án mở rộng nâng công suất Mỏ than Na Dương cho phù hợp với tiến độ đầu tư Nhà máy Nhiệt điện Na Dương II của Tổng công ty Điện lực TKV.

3.2. Về các dự án lớn:

a) Dự án Mở rộng nâng công suất mỏ than Na Dương

- Dự án Mở rộng nâng công suất mỏ than Na Dương đã được Hội đồng quản trị, Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP phê duyệt tại Quyết định số 223/QĐ - HĐQT ngày 18/11/2016 và được điều chỉnh tại quyết định số 16/QĐ-HĐQT ngày 16/01/2018 với công suất thiết kế là 1 200 000 tấn than nguyên khai, với tổng mức đầu tư là 777,674 tỷ đồng.

- Mục tiêu của dự án là đầu tư nâng công suất mỏ từ 600.000 tấn/năm lên 1.200.000 tấn/năm đảm bảo cung cấp ổn định than cho nhà máy nhiệt điện Na Dương I và Na Dương II.

- Tính đến 31/12/2018 dự án đã thực hiện được với giá trị là **5 187 triệu đồng**, (dự án đã thực hiện xong công tác chuẩn bị đầu tư, hiện đang triển khai lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Hạng mục phân xưởng khai thác vận tải và Xưởng sàng) để triển khai thi công.

- Tiến độ thực hiện dự án chậm so với dự án phê duyệt là do Tổng công ty đã chủ động điều chỉnh tiến độ của dự án theo tiến độ triển khai xây dựng Nhà máy nhiệt điện Na Dương II.

b) Dự án khai thác lộ thiên mỏ Khánh Hòa:

- Dự án khai thác lộ thiên mỏ Khánh Hòa đã được Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng Sản Việt Nam phê duyệt tại Quyết định số 1584/QĐ - TKV ngày 21/7/2014 với công suất là 800.000 tấn than nguyên khai/năm, Tổng mức đầu tư của dự án là 880,895 tỷ đồng (trong đó chi phí đền bù là 479,161 tỷ đồng chiếm 54,43 % tổng mức đầu tư), với tiến độ đầu tư là 3 năm.

- Tính đến 31/12/2018, dự án đã thực hiện xong phần chuẩn bị đầu tư với giá trị là **2 799 triệu đồng**. Hiện dự án đang dừng triển khai do công tác đền bù gặp nhiều khó khăn do một số hộ dân trong khu vực yêu cầu đền bù không theo quy định của Nhà nước, Tổng công ty đang tiến hành đánh giá tổng thể tài nguyên, trữ lượng, hiện trạng khai thác để xây dựng kế hoạch phát triển dài hạn mỏ Khánh Hòa.

* Đánh giá: Các dự án đầu tư của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP phù hợp với Quy hoạch phát triển ngành than tại Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 14/03/2016 của Thủ Tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2020, có xét triển vọng đến năm 2030. Các dự án do Tổng công ty triển khai đảm bảo đúng quy định, phù hợp với tình hình thực tế và mang lại hiệu quả kinh tế.

3.3. Đầu tư vào các Công ty con, công ty liên kết:

a) Đầu tư vào công ty con:

TT	Công ty con	Vốn ĐL (triệu đồng)	Tỷ lệ góp vốn	Doanh thu SXKD (triệu đồng)	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	Chi trả cổ tức (%)
1	Công ty CP Đầu tư và xây dựng - VVMI	9 900	51%	63 900	146	-
2	Công ty CP Cơ khí và thiết bị áp lực - VVMI	12 000	51%	370 445	2 802	12
3	Công ty CP SX& KD vật tư thiết bị - VVMI	12 500	51%	237 790	1 853	7
4	Công ty CP Vật liệu và KD tổng hợp - VVMI	7 500	51%	40 947	1 780	12

TT	Công ty con	Vốn ĐL (triệu đồng)	Tỷ lệ góp vốn	Doanh thu SXKD (triệu đồng)	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	Chi trả cổ tức (%)
5	Công ty CP Cơ khí mở Việt Bắc - VVMI	9 000	51%	141 157	2 530	12
6	Công ty CP Xi măng Quán Triều - VVMI	250 000	84.91%	593 476	5 357	-
7	Công ty CP Khách sạn Thái Nguyên - VMI	7 500	51%	18 460	94	-
8	Công ty CP Xi măng La Hiên - VVMI	100 000	51.38%	720 637	39 132	17
9	Công ty CP Xi măng Tân Quang - VVMI	350 000	57.14%	683 824	7 367	-

b) Đầu tư vào công ty liên kết:

TT	Công ty	Vốn ĐL (triệu đồng)	Tỷ lệ góp vốn	Doanh thu SXKD (triệu đồng)	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	Cổ tức (%)
1	Công ty CP Thiết bị khai thác mỏ	6 000	29%	64 573	45	-

d. Đầu tư dài hạn khác:

TT	Công ty	Vốn ĐL (triệu đồng)	Tỷ lệ góp vốn	Cổ tức (%)
1	Công ty CP Than điện Nông Sơn	140 000	10.80%	
2	Công ty quản lý quỹ đầu tư Sài Gòn	60 000	5%	
3	Công ty CP Đầu tư CN Hà Nội	100 000	1.5%	

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính (Từ 01/01/2018 – 31/12/2018):

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018 (Công ty mẹ)	Năm 2017 (Công ty mẹ)	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	1 752 826 519 564	1 783 811 173 566	-2
2	Doanh thu thuần	2 323 118 418 987	1 994 823 054 694	16
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	234 349 754 598	32 269 739 659	626
4	Lợi nhuận khác	3 083 785 418	8 354 709 877	-63
5	Lợi nhuận trước thuế	237 433 540 016	40 624 449 536	484
6	Lợi nhuận sau thuế	191 267 772 952	31 673 845 242	504
7	Tỷ lệ trả cổ tức	Dự kiến 12%	6%	200

4.2. Các chỉ tiêu tài chính:

TT	Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2018 (Công ty mẹ)	Thời điểm 31/12/2018 (Hợp nhất)
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.92	0.744
	- Hệ số thanh toán nhanh	1.66	0.57
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
	- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.29	0.61
	- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.40	1.59
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	- Vòng quay hàng tồn kho	20.59	16.35
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
	- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	8.23%	4.82%
	- Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	15.27%	14.65%
	- Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	10.91%	5.67%
	- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu thuần	10.09%	6.00%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần của Tổng công ty: 105.000.000 cổ phần phổ thông (mệnh giá: 10.000 đ/cổ phần). Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do là 1 895 900 cổ phần, số còn lại: 103 104 100 cổ phần thuộc sở hữu nhà nước là Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam

b) Cơ cấu cổ đông:

- Cơ cấu cổ đông:

TT	Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ
1	Cổ đông nhà nước: Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	103 104 100	98,194%
2	Cổ đông pháp nhân trong nước	60 000	0,057%
3	Cổ đông thể nhân trong nước	1 818 900	1,732%
4	Cổ đông là thể nhân nước ngoài	17 000	0,017%
	Tổng cộng	105 000 000	100.000%

- Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổng công ty:

TT	Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ	Địa chỉ
1	Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	103 104 100	98,19%	Số 226 Đường Lê Duẩn - Quận Đống Đa Thành phố Hà Nội

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có sự thay đổi trong kỳ báo cáo.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có đợt phát hành chứng khoán khác trong kỳ báo cáo.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên nhiên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên nhiên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính trong năm (sản xuất khai thác than):

- Dầu diezen thiết bị khai thác than: 15,754 triệu lít (tương ứng 235 977 triệu đồng);
- Xăng ô tô các loại: 68 393 lít (tương ứng 1 242 triệu đồng);
- Nguyên vật liệu khác tương ứng 147 750 triệu đồng.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên nhiên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính trong năm: không tái chế và được bán cho đơn vị có chức năng tái chế để đảm bảo vệ sinh môi trường.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

Năng lượng điện tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp các đơn vị sản xuất than thuộc Công ty mẹ và Văn phòng Tổng công ty năm 2018 là: 14 084 466 kW

6.3. **Tiêu thụ nước:** Trong năm 2018 lượng nước tiêu thụ dùng cho các đơn vị trực thuộc Tổng công ty, cụ thể: nước dùng cho sinh hoạt là 81 632 m³, lượng nước dùng cho sản xuất phục vụ tưới đường giảm bụi và VSCN là 91 345 m³. Lượng nước sử dụng trong sinh hoạt được thu gom qua các hệ thống bể lắng và xử lý sau đó xả ra môi trường. Các nguồn nước dùng cho rửa xe và vệ sinh công nghiệp v.v... đều được thu gom để xử lý qua các hệ thống xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Các đơn vị đều thực hiện nghiêm túc việc chấp hành luật bảo vệ môi trường và không bị xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường trong năm 2018

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động.

- Số lượng lao động: 2 035 người

- Mức lương trung bình đối với người lao động: 10.700.000 đồng/người/tháng

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn cho người lao động: Do đặc thù là ngành sản xuất khai thác than, người lao động thường xuyên phải tiếp xúc với máy móc, trang thiết bị, công cụ lao động và môi trường độc hại, nên nguy cơ xảy ra sự cố thiết bị, tai nạn lao động và mắc bệnh nghề nghiệp là rất lớn. Vì vậy, hàng năm khi xây dựng kế hoạch SXKD, Tổng công ty đều xây dựng kế hoạch về bảo hộ lao động với các biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện lao động. Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động; chăm sóc sức khỏe người lao động, phòng ngừa bệnh nghề nghiệp; tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện bảo hộ lao động. Thường xuyên theo dõi sự phát sinh các yếu tố có hại trong quá trình sản xuất, thực hiện các biện pháp bổ sung làm giảm các yếu tố có hại, đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh cho phép.

- Chính sách về phúc lợi cho người lao động: Hàng năm, Tổng công ty đều tổ chức cho một số NLĐ ưu tú có nhiều đóng góp cho doanh nghiệp được đi tham quan, nghỉ mát. Tổ chức cho người lao động sức khỏe yếu, có thành tích trong công tác v.v.... được nghỉ điều dưỡng tại các cơ sở điều dưỡng của TKV (trong đó ưu tiên với NLĐ làm việc trong hầm lò và làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại). Đối với các trường hợp mắc bệnh nghề nghiệp, bệnh bụi phổi được khám, điều trị bệnh nghề nghiệp, rửa phổi tại Bệnh viện Than – Khoáng sản Việt Nam và được nghỉ điều dưỡng sau rửa phổi tại các cơ sở điều dưỡng của Tập đoàn.

- Thực hiện việc tăng lương cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước. Có chế độ khen thưởng tùy thuộc vào hiệu quả sản xuất, kinh doanh và kết quả đóng góp của người lao động...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Không có

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2018, Bộ máy điều hành Tổng công ty đã nỗ lực thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, điều hành và nêu cao vai trò trách nhiệm trước các cổ đông, đã vượt qua những khó khăn, để thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao, tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Với những kết quả đạt được trong công tác quản lý và sản xuất, bộ máy điều hành Tổng công ty đã góp phần không nhỏ vào việc thực hiện nhiệm vụ chung của Tổng công ty, đưa Tổng công ty ngày càng ổn định và phát triển. Đã tập trung giải quyết được một số công việc trọng tâm như sau:

- Từ Tổng công ty đến các đơn vị đã thực hiện rà soát, hoàn thiện lại cơ chế quản lý trong các lĩnh vực với trung tâm là cơ chế khoán quản trị chi phí nhằm nâng cao trách nhiệm quản lý và động lực mạnh mẽ hơn tăng hiệu quả kinh doanh, rà soát ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật theo hướng tiên tiến, đáp ứng yêu cầu tăng năng suất, giảm giá thành trong tình hình mới.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nội bộ: Trong năm 2018, Tổng công ty đã kiện toàn xong tổ chức bộ máy quản lý nội bộ theo Đề án tái cơ cấu được TKV thông qua.

- Tăng cường công tác kiểm tra và kiểm soát hoạt động của các Công ty con, phối hợp tốt trong công tác điều hành sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả vốn đầu tư.

2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản công ty mẹ:

- Tài sản của công ty mẹ - Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP tại thời điểm 1/1/2018 là: 1.783.811.173.566 đồng, tại thời điểm 31/12/2018 là 1.752.826.519.564 đồng.

- Nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2018 là 625.732.392.658 đồng, không có nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh.

b. Tình hình nợ phải trả công ty mẹ:

- Nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2018 là 500.460.363.066 đồng, trong đó: Nợ ngắn hạn là 351.915.559.183 đồng, nợ dài hạn là 148.544.803.883 đồng, không có nợ phải trả xấu, không bị ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động kinh doanh.

3. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

4. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

- Tiêu thụ nước: Lượng nước sử dụng được mua từ các Công ty có chức năng được phép cung cấp như Công ty nước sạch Thái Nguyên, xí nghiệp khai thác công trình Thủy Nông của Huyện Lộc Bình – Lạng Sơn. Lượng nước bơm từ giếng khoan có giấy phép khai thác và không làm ảnh hưởng đến mực nước trong khu vực.

- Nguồn năng lượng tiêu thụ: Đơn vị sử dụng chủ yếu là điện năng, các đơn vị luôn ý thức tiết kiệm điện, hạn chế sử dụng các thiết bị trong giờ cao điểm.

- Về khí thải và rác thải trong sản xuất kinh doanh của đơn vị.

+ Khí thải được phát sinh từ ô tô, máy xúc, máy khoan, máy gặt v.v..., để hạn chế lượng khí thải gây ảnh hưởng đến môi trường Tổng công ty luôn thực hiện việc bảo dưỡng, trung đại tu và thay thế thiết bị theo định kỳ nhằm làm giảm độ rung, tiếng ồn và lượng khí thải phát sinh ra môi trường xung quanh.

+ Rác thải: Gồm rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường, nguy hại. Rác thải sinh hoạt được thu gom hàng ngày tập kết tại các nơi quy định và được các đơn vị ký hợp đồng hàng năm với các đơn vị có đủ chức năng vận chuyển đi tiêu hủy theo hợp đồng đã ký. Chất thải rắn công nghiệp thông thường chủ yếu là đất đá thải sinh ra từ việc khai thác than, lượng đất đá thải này được vận chuyển và đổ thải theo đúng thiết kế của dự án đã được duyệt.

+ Chất thải nguy hại: Được thu gom phân loại và lưu giữ trong kho chứa chất thải nguy hại, có biển báo, dán tem nhãn chi tiết cho từng loại chất thải và được bảo quản theo quy định. Hàng năm ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để vận chuyển xử lý theo quy định.

+ Nước thải: Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất được xử lý qua các hệ thống xử lý đạt quy chuẩn cho phép rồi xả thải ra môi trường.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Người lao động trong Tổng công ty đã được bố trí việc làm đầy đủ, có thu nhập, làm việc trong môi trường đảm bảo an toàn. Các chính sách xã hội, an sinh, quyền lợi người lao động đều được Tổng công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động và Thỏa ước lao động tập thể.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Các đơn vị của Tổng công ty đóng trên nhiều địa bàn thuộc các tỉnh, thành phố đều thực hiện tốt các chính sách xã hội của địa phương, hài hòa và thân thiện với môi trường sống của cộng đồng dân cư cùng tồn tại phát triển bền vững.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng công ty:

1. Đánh giá chung của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng công ty:

Tổng công ty tiếp tục ổn định sản xuất kinh doanh, sản xuất than và xi măng theo nhu cầu thị trường, đầu tư hợp lý và có hiệu quả các dự án phục vụ SXKD trước mắt và phát triển lâu dài. Bước đầu thực hiện đề án tái cơ cấu, hoàn thiện tổ chức, cơ chế quản lý, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngân sách với nhà nước, đảm bảo quyền lợi các cổ đông, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Tổng công ty:

- Nghiêm chỉnh chấp hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; các nghị quyết, quyết định của HĐQT Tổng công ty; tuân thủ các quy định của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam và các quy định của pháp luật.

- Đoàn kết, nỗ lực làm việc, tích cực tìm và triển khai các giải pháp trong tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh, linh hoạt, kịp thời xử lý vướng mắc khó khăn trong quá trình sản xuất, tiết kiệm chi phí, chống lãng phí trong sản xuất, đảm bảo an toàn, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động; hoàn tốt các chỉ tiêu kế hoạch SXKD theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Bộ máy điều hành cần năng động sáng tạo giải quyết khó khăn vướng mắc trong thực hiện nhiệm vụ SXKD, tận dụng cơ hội để nâng cao hiệu quả.

- Tiếp tục xem xét, tìm giải pháp để tháo gỡ khó khăn về tài chính và tăng hiệu quả SXKD của Công ty CP Xi măng Quán Triều và Công ty CP Xi măng Tân Quang.

- Thực hiện Đề án tái cơ cấu Tổng công ty: Thoái vốn của TKV tại Tổng công ty từ 98,19% vốn điều lệ hiện nay xuống còn 65%.

- Tiếp tục thực hiện kế hoạch sắp xếp các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ, thoái vốn Công ty mẹ - Tổng công ty tại các công ty năm 2018 – 2020 như sau:

+ Chấm dứt hoạt động Chi nhánh Trung tâm Điều dưỡng ngành Than.

+ Thoái vốn Công ty mẹ - Tổng công ty về 51% tại Công ty CP Xi măng Quán Triều.

+ Thoái vốn Công ty mẹ - Tổng công ty về 36% tại các Công ty con: Công ty CP Vật liệu XD và kinh doanh tổng hợp - VVMI; Công ty CP Cơ khí mở Việt Bắc - VVMI.

+ Thoái hết vốn Công ty mẹ - Tổng công ty tại các công ty: Công ty CP Khách sạn Thái Nguyên, Công ty CP Sản xuất và kinh doanh VTTB, Công ty CP Cơ khí và thiết bị áp lực, Công ty CP Đầu tư và xây dựng, Công ty CP Đầu tư công nghiệp Hà Nội, Công ty CP Than Điện Nông Sơn và Công ty CP Thiết bị khai thác mỏ.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị 05 người gồm: Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc và 03 thành viên. Các thành viên HĐQT do Đại hội đồng cổ đông bầu.

- Sự thay đổi Thành viên HĐQT năm 2018: ông Vũ Minh Tân được bầu là Thành viên HĐQT thay thế ông Phạm Đức Thiện kể từ ngày 01/01/2019.

- Danh sách thành viên Hội đồng quản trị năm 2018:

1) Ông Lê Quang Bình: Chủ tịch Hội đồng quản trị

+ Sinh ngày: 25/12/1964

+ Quê quán: xã Sơn Bằng - huyện Hương Sơn - tỉnh Hà Tĩnh

+ Nơi ở hiện nay: Căn hộ R2 1202, Tòa nhà R2, Khu đô thị Royalcity 72A – Nguyễn Trãi – Thanh Xuân – Hà Nội

+ Dân tộc: Kinh

+ Tôn giáo: Không

- + Trình độ học vấn: Tốt nghiệp đại học
- + Trình độ chuyên môn cao nhất: Thạc sỹ kinh tế, kỹ sư máy mô
- + Lý luận chính trị: Cao cấp
- + Ngoại ngữ: Anh văn C
- + Tổng số CP nắm giữ:
 - Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: 103 104 100 cổ phần
 - Cá nhân sở hữu: 10 000 cổ phần
- + Tổng số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: (bố mẹ đẻ, bố mẹ nuôi, vợ (chồng), con, anh chị em ruột.....: Không
- + Những khoản nợ đối với Tổng công ty: Không
- + Lợi ích liên quan đối với Tổng công ty: Theo Luật DN và Điều lệ Tổng công ty
- + Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng công ty: Không

2) Ông Trần Hải Bình: Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc

Như báo cáo tại Mục 2.1. Ban điều hành

3) Ông Đặng Văn Tùng: Thành viên chuyên trách HĐQT

- + Sinh ngày: 20/12/1964
- + Quê quán: xã An Lộc - huyện Cam Lộc - tỉnh Hà Tĩnh
- + Nơi ở hiện nay: Tổ 1- Cao Sơn 2 - Cẩm Sơn- TP Cẩm Phả - tỉnh Quảng Ninh
- + Dân tộc: Kinh
- + Tôn giáo: Không
- + Trình độ học vấn: Tốt nghiệp đại học
- + Trình độ chuyên môn cao nhất: Kỹ sư khai thác mỏ
- + Lý luận chính trị: Cao cấp
- + Ngoại ngữ: Tiếng Anh (A)
- + Tổng số CP nắm giữ:
 - Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không
 - Cá nhân sở hữu: Không
- + Tổng số CP nắm giữ của người có liên quan: (bố mẹ đẻ, bố mẹ nuôi, vợ (chồng), con, anh chị em ruột.....: Không
- + Những khoản nợ đối với Tổng công ty: Không
- + Lợi ích liên quan đối với Tổng công ty: Theo Luật DN và Điều lệ Tổng công ty
- + Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng công ty: Không

4) Ông Vũ Đình Lên: Thành viên HĐQT

Như báo cáo tại Mục 2.1. Ban điều hành

5) Ông Vũ Minh Tân: Thành viên HĐQT

Như báo cáo tại Mục 2.1. Ban điều hành

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không thành lập.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Trong năm 2018, HĐQT đã thực hiện tốt vai trò cơ quan quản lý Tổng công ty; quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty. Từng thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ của mình

một cách cẩn trọng, thực hiện việc quản lý chặt chẽ đảm bảo lợi ích Tổng công ty và các cổ đông.

+ Duy trì tổ chức họp tại trụ sở Tổng công ty định kỳ 02 lần/tháng; bám sát nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018, cơ chế điều hành phối hợp của TKV; tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp. Ngoài ra, theo yêu cầu của sản xuất đã tiến hành họp đột xuất để kịp thời giải quyết các vấn đề khó khăn trong sản xuất, trong hoạt động tài chính, các vấn đề liên quan đến quản lý điều hành của Tổng công ty theo đúng thẩm quyền của HĐQT.

+ Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Tổng công ty đều được các thành viên HĐQT biểu quyết nhất trí cao đáp ứng được yêu cầu quản lý cũng như hoạt động sản xuất của Tổng công ty.

+ Hội đồng quản trị đã chủ động giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, quan tâm đã kiện toàn công tác tổ chức cán bộ từ Tổng công ty đến các đơn vị, bổ nhiệm các nhân sự thuộc thẩm quyền được phê duyệt.

+ Ban hành các Nghị quyết chỉ đạo người đại diện của Tổng công ty tại các Công ty con là Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty trong việc triển khai các vấn đề trong quá trình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh

+ Chủ động triển khai công tác tái cơ cấu Tổng công ty, giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện. Xem xét tìm giải pháp để tháo gỡ khó khăn cho Công ty CP Xi măng Tân Quang và Công ty CP Xi măng Quán Triều.

- Số buổi họp HĐQT và tỷ lệ tham dự họp của các Thành viên:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Lê Quang Bình	Chủ tịch	28/8/2015	30	100%
2	Trần Hải Bình	Thành viên – Tổng GD	28/8/2015	30	100%
3	Đặng Văn Tùng	Thành viên chuyên trách	25/10/2016	30	100%
4	Vũ Đình Lên	Thành viên – Phó TGD	28/8/2015	30	100%
5	Vũ Minh Tân	Thành viên – Phó TGD	01/01/2018	30	100%

- Số văn bản nghị quyết, quyết định của HĐQT Tổng công ty năm 2018:

TT	Số văn bản	Ngày tháng	Trích yếu nội dung văn bản
1	02/NQ-HĐQT	05-01	Thông qua quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án đầu tư khai thác hầm lò rìa moong lộ thiên- C.ty than Khánh Hòa, bổ sung hạng mục băng tải dốc chở than trong lò và hệ thống cấp thoát nước mỏ.
2	03/NQ-HĐQT	05-01	Thông qua bổ nhiệm lại PGĐ Công ty CP XM Quán Triều
3	04/NQ-HĐQT	05-01	Thông qua tạm giao kế hoạch ĐTXD năm 2018 TCT CNM Việt Bắc

TT	Số văn bản	Ngày tháng	Trích yếu nội dung văn bản
4	05/QĐ-HĐQT	05-01	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư DA khai thác hầm lò rìa moong lộ thiên- C.ty than Khánh Hòa, bổ sung hạng mục băng tải dốc chở than trong lò và hệ thống cấp thoát nước mỏ
5	06/QĐ-HĐQT	05-01	Phân công nhiệm vụ các Thành viên HĐQT TCT CNM Việt Bắc TKV-CTCP
6	09/NQ-HĐQT	15-01	Thông qua quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án đền bù GPMB mở rộng khai trường và bãi đổ thải đất đá giai đoạn I- C.ty than Na Dương
7	10/NQ-HĐQT	15-01	Thực hiện hợp đồng mua bán vỏ bao xi măng Quán Triều năm 2018
8	11/NQ-HĐQT	15-01	Giao cho TGD rà soát vướng mắc công tác thoái vốn và triển khai thực hiện kế hoạch ĐTXD năm 2018 theo Chỉ thị 47/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ
9	12/NQ-HĐQT	15-01	Thông qua điều chỉnh một số nội dung dự án mở rộng nâng công suất mỏ than Na Dương
10	13/NQ-HĐQT	15-01	Thông qua chuyển hình thức đầu tư dự án silo xi măng Quán Triều năm 2018 sang hình thức thuê hoạt động
11	14/NQ-HĐQT	15-01	Thông qua đề Tổng Công ty chấm dứt hợp đồng thuê tài sản trên đất tại Khách sạn Heritage Hà Nội
12	15/QĐ-HĐQT	16-01	Phê duyệt quyết toán dự án bồi thường GPMB mở rộng khai trường sản xuất và bãi đổ thải giai đoạn I- C.ty than Na Dương (đợt 2)
13	16/QĐ-HĐQT	16-01	Phê duyệt điều chỉnh một số nội dung dự án mở rộng nâng công suất mỏ than Na Dương
14	17/QĐ-HĐQT	16-01	Thành lập ban chỉ đạo và tổ công tác triển khai Đề án tái cơ cấu TCT CNM Việt Bắc TKV-CTCP
15	20/NQ-HĐQT	23-01	Thông qua tỷ lệ chia cổ tức vốn điều lệ cho các Công ty con năm 2017
16	21/NQ-HĐQT	23-01	Thông qua phương án sắp xếp mô hình tổ chức và định biên lao động
17	22/NQ-HĐQT	23-01	Thông qua hạn mức vay vốn ngắn hạn và vay vốn trung hạn năm 2018 của Công ty mẹ
18	27/NQ-HĐQT	29-01	Thông qua phê duyệt báo cáo KTKT xây dựng công trình Nhà ở công nhân Công ty than Na Dương.

TT	Số văn bản	Ngày tháng	Trích yếu nội dung văn bản
19	28/NQ-HĐQT	29-01	Thông qua tạm giao đơn giá tiền lương năm 2018 Tổng Công ty
20	29/NQ-HĐQT	29-01	Thông qua việc tuyển dụng lao động năm 2018
21	30/QĐ-HĐQT	29-01	Phê duyệt BC KTKT xây dựng công trình: Nhà ở công nhân Na Dương
22	32/NQ-HĐQT	05-03	Thống nhất thông qua nhân sự tham gia HĐQT, BKS để biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông năm 2018 các Công ty Cổ phần
23	33/NQ-HĐQT	05-03	Thông qua các nội dung liên quan đến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
24	34/NQ-HĐQT	05-03	Ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương áp dụng trong Công ty mẹ- TCT CNM Việt Bắc
25	35/QĐ-HĐQT	05-03	Ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương áp dụng trong Công ty mẹ- TCT CNM Việt Bắc
26	36/QĐ-HĐQT	06-03	Thay đổi Người đại diện tham gia HĐQT, BKS tại Công ty CP SX&KD Vật tư thiết bị
27	37/QĐ-HĐQT	06-03	Thay đổi Người đại diện tham gia HĐQT, BKS tại Công ty CP VLXD&KDTH
28	38/QĐ-HĐQT	06-03	Thay đổi Người đại diện tham gia HĐQT, BKS tại Công ty CP XM Quán Triều
29	39/QĐ-HĐQT	06-03	Thay đổi Người đại diện tham gia HĐQT, BKS tại Công ty CP ĐT&XD
30	40/QĐ-HĐQT	06-03	Thay đổi Người đại diện tham gia HĐQT, BKS tại Công ty CP Khách sạn Thái Nguyên
31	41/QĐ-HĐQT	06-03	Thay đổi Người đại diện tham gia HĐQT, BKS tại Công ty CP Cơ khí mở Việt Bắc
32	42/QĐ-HĐQT	06-03	Thay đổi Người đại diện tham gia HĐQT, BKS tại Công ty CP XM Tân Quang
33	43/QĐ-HĐQT	06-03	Thay đổi Người đại diện tham gia HĐQT, BKS tại Công ty CP XM La Hiên
34	46/NQ-HĐQT	09-03	Thông qua đề ông Trần Văn Quang nguyên Giám đốc C.ty CP Cơ khí mở Việt Bắc nghỉ chế độ hưu trí theo nguyện vọng
35	59/NQ-HĐQT	12-03	Thông qua quyết toán quỹ tiền lương và đóng góp quỹ đổi mới cơ cấu lao động năm 2017.
36	60/QĐ-HĐQT	12-03	Phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương và đóng góp quỹ đổi mới cơ cấu lao động năm 2017.

TT	Số văn bản	Ngày tháng	Trích yếu nội dung văn bản
37	62/NQ-HĐQT	20-03	Thông qua thành lập Ban tổ chức, Tiểu ban giúp việc ĐHCĐ thường niên năm 2018
38	63/NQ-HĐQT	20-03	Thông qua đề trình ĐHCĐ thường niên năm 2018 kế hoạch sắp xếp các đơn vị trực thuộc và thoái vốn Công ty mẹ tại các Công ty giai đoạn 2018-2020
39	64/NQ-HĐQT	20-03	Thông qua giải quyết vướng mắc trong công tác chuẩn bị ĐHCĐ thường niên năm 2018 C.ty CP Khách sạn Thái Nguyên
40	65/NQ-HĐQT	20-03	Thông qua điều chỉnh thay thế nội dung nghị quyết số 146/NQ-HĐQT ngày 11/9/2017 bảo lãnh vay vốn ngắn hạn C.ty CP XM Quán Triều
41	66/NQ-HĐQT	20-03	Thông qua yêu cầu công tác bàn giao của NĐDPV
42	67/QĐ-HĐQT	20-03	Thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên TCT năm 2018
43	68/QĐ-HĐQT	20-03	Thành lập Ban thư ký Đại hội đồng cổ đông thường niên TCT năm 2019
44	69/QĐ-HĐQT	20-03	Thành lập Ban kiểm tra tư cách Đại hội đồng cổ đông thường niên TCT năm 2020
45	78/NQ-HĐQT	28-03	Thông qua bổ nhiệm lại PGĐ Công ty CP XM Quán triều và tuyển dụng lao động C.ty than Khánh Hòa
46	79/NQ-HĐQT	28-03	Thông qua kết quả ước thực hiện KH PHKD quý I/2018 và dự kiến KH PHKD quý II/2018
47	80/QĐ-HĐQT	28-03	Giao các chỉ tiêu chủ yếu KH PHKD quý II/2018 TCT CNM Việt Bắc
48	81/NQ-HĐQT	28-03	Thông qua phê duyệt phương án thanh lý tài sản Đường sắt ga Na Dương- Mỏ
49	82/NQ-HĐQT	28-03	Thông qua giao cho TGD thực hiện ký hợp đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư diện tích văn phòng dự án cải tạo chung cư cũ L1, L2 tại 93 Láng Hạ
50	86/QĐ-HĐQT	03-04	Phân công nhiệm vụ Ban chỉ đạo triển khai Đề án tái cơ cấu TCT CNM Việt Bắc giai đoạn 2017-2020
51	88/NQ-HĐQT	09-04	Thông qua bổ sung và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 4: Giám sát thi công khảo sát địa chất công trình xường sàng và xường vận tải thuộc DA: Mở rộng nâng công suất mỏ Na Dương
52	89/NQ-HĐQT	09-04	Thông qua phương án, dự toán quan trắc dịch động bờ trụ via 4 mỏ than Na Dương

TT	Số văn bản	Ngày tháng	Trích yếu nội dung văn bản
53	90/NQ-HĐQT	09-04	Thông qua bổ nhiệm lại Kế toán trưởng Công ty CP Khách sạn Thái Nguyên - VVMI
54	91/QĐ-HĐQT	09-04	Phê duyệt bổ sung và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 4: Giám sát thi công khảo sát địa chất công trình xưởng sàng và xưởng vận tải thuộc DA: Mở rộng nâng công suất mỏ Na Dương
55	92/NQ-HĐQT	09-04	Thông qua phương án, dự toán quan trắc dịch động khu vực bờ trụ Tây Nam mỏ than Khánh Hòa
56	94/QĐ-HĐQT	16-04	Quy chế bầu cử bầu bổ sung kiểm soát viên TCT CNM Việt Bắc
57	96/NQ-HĐQT	16-04	Thông qua bổ nhiệm lại Giám đốc Công ty CP XM La Hiên
58	97/NQ-HĐQT	16-04	Xác định vốn góp của TCT tại C.ty CP Đầu tư CN Hà Nội và yêu cầu công ty này chấm dứt sử dụng dấu hiệu Vinacomin
59	98/NQ-HĐQT	16-04	Thông qua phương án khoan (trên mặt) phục vụ khai thác mỏ than Khánh Hòa
60	99/QĐ-HĐQT	18-04	Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động (sửa đổi) Tổng Công ty CNM Việt Bắc TKV-CTCP
61	100/QĐ-HĐQT	18-04	Giao chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch PHKD năm 2018 TCT CNM Việt Bắc TKV-CTCP
62	101/QĐ-HĐQT	18-04	Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty CNM Việt Bắc TKV-CTCP
63	106/NQ-HĐQT	03-05	Chi trả cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt
64	108/NQ-HĐQT	03-05	Thông qua phê duyệt dự án Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2018
65	109/NQ-HĐQT	03-05	Thông qua chủ trương cho phép Công ty CP Hoàng Trường thử nghiệm tuyển than tại Công ty than Na Dương
66	110/NQ-HĐQT	03-05	Tháo gỡ khó khăn về tài chính cho Công ty CP XM Quán Triều
67	111/NQ-HĐQT	03-05	Công khai lợi ích của người có liên quan là ông Lê Quang Bình
68	112/NQ-HĐQT	03-05	Thông qua giao cho TGD triển khai thực hiện chỉ đạo của TKV
69	114/QĐ-HĐQT	08-05	Phê duyệt dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2018

TT	Số văn bản	Ngày tháng	Trích yếu nội dung văn bản
70	116/NQ-HĐQT	15-05	Thông qua phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu kiểm toán BCTC năm 2018
71	117/NQ-HĐQT	15-05	Thông qua chủ trương thuê hoạt động máy khoan thủy lực TITON 500 của Công ty than Khánh Hòa
72	118/NQ-HĐQT	15-05	Thông qua chủ trương chuyển hình thức đầu tư sang thuê hoạt động kho chứa nguyên liệu Công ty CP XM Tân Quang
73	119/NQ-HĐQT	15-05	Thông qua giao cho NDDPV của TCT tại C.ty CP Khách sạn Thái Nguyên thực hiện nội dung CV số 2450/TKV-TCNS
74	120/NQ-HĐQT	15-05	Thông qua giao cho TGD lựa chọn tổ chức tư vấn thực hiện thoái vốn Công ty mẹ
75	122/NQ-HĐQT	30-05	Thông qua giao cho NDDPV của TCT tại C.ty CP Khách sạn Thái Nguyên thực hiện biểu quyết tại ĐHĐCĐ năm 2018
76	123/NQ-HĐQT	30-05	Thông qua giao cho TGD lập tiến độ thực hiện bán tài sản trên đất, giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại K/s Mê Linh
77	125/NQ-HĐQT	30-05	Thông qua phê duyệt hồ sơ mời thầu Gói thầu số 7: Cung cấp 01 máy san đường công suất ≥ 250 HP thuộc DA ĐT thiết bị phục vụ SX năm 2018”
78	126/QĐ-HĐQT	30-05	Cử người đại diện của TCT CNM Việt Bắc tham gia HĐQT, BKS C.ty CPK/s Thái Nguyên nhiệm kỳ 2018-2023
79	127/QĐ-HĐQT	30-05	Phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu số 07 “Cung cấp 01 máy san đường công suất ≥ 250 HP thuộc DA ĐT thiết bị phục vụ SX năm 2018”
80	129/NQ-HĐQT	30-05	Thông qua kế hoạch, lộ trình triển khai thực hiện đề án tái cơ cấu TCT CNM Việt Bắc giai đoạn 2017-2020
81	133/NQ-HĐQT	14-06	Thông qua ban hành Quy chế quản lý người đại diện TCT tại doanh nghiệp (sửa đổi) và tiếp nhận lao động
82	134/NQ-HĐQT	15-06	Thông qua giao cho TGD tổ chức rà soát, xây dựng phương án tổng thể phát triển và nâng cao hiệu quả sản xuất xi măng
83	135/NQ-HĐQT	15-06	Giao cho Tổng giám đốc triển khai thực hiện theo các văn bản của TKV
84	136/NQ-HĐQT	15-06	Thông qua giao cho NDD phần vốn của TCT tại K/s Thái Nguyên triển khai thực hiện tiếp tục tổ chức ĐHĐCĐ Công ty nhiệm kỳ 2018-2023

TT	Số văn bản	Ngày tháng	Trích yếu nội dung văn bản
85	137/NQ-HĐQT	15-06	Giao cho NĐD phần vốn của TCT tại C.ty CP VLXD&KDTH và C.ty CP XM La Hiên triển khai thực hiện chỉ đạo của HĐQT TCT
86	138/NQ-HĐQT	15-06	Thông qua định mức vốn lưu động và hệ số tài chính năm 2018
87	139/NQ-HĐQT	15-06	Thông qua kế hoạch dài hạn sản xuất than năm 2019-2023
88	140/QĐ-HĐQT	15-06	Ban hành Quy chế quản lý người đại diện của TCT CNM Việt Bắc tại doanh nghiệp
89	141/NQ-HĐQT	19-06	Thông qua giao cho Tổng giám đốc triển khai trước hạng mục “Bồi thương giải phóng mặt bằng, tái định cư” của Dự án mở rộng nâng công suất mỏ than Na Dương
90	145/NQ-HĐQT	29-06	Thông qua chủ trương bổ sung thêm 01 PGĐ C.ty CP CKM Việt Bắc
91	146/NQ-HĐQT	29-06	Thông qua đánh giá hiệu quả và xếp loại doanh nghiệp năm 2017 đối với các Công ty con
92	147/NQ-HĐQT	29-06	Thông qua giao cho TGD ký bảo lãnh vay vốn ngân hàng cho C.ty CP XM Tân Quang
93	148/NQ-HĐQT	29-06	Thông qua kết quả thực hiện KH PHKD 6 tháng/2018 và giao KH quý III/2018
94	149/NQ-HĐQT	29-06	Thông qua phê duyệt giá trị tài sản đánh giá lại 05 xe ô tô vận tải của Công ty than Núi Hồng
95	150/NQ-HĐQT	02-07	Thông qua giao cho NĐDPV của Tổng công ty tại Công ty cổ phần khách sạn Thái Nguyên-VVMI sửa đổi điều lệ Công ty để tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ hai
96	151/NQ-HĐQT	02-07	Giao TGD triển khai thực hiện lập báo cáo kết quả thăm dò than khu mỏ Khánh Hòa- tỉnh Thái Nguyên
97	152/NQ-HĐQT	02-07	Thông qua giao cho TGD rà soát lại nhu cầu nhà ở cho CBCNV Công ty than Na Dương để xem xét điều chỉnh nội dung thiết kế
98	154/QĐ-HĐQT	02-07	Cử người đại diện của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP tham gia HĐQT, BKS Công ty cổ phần khách sạn Thái Nguyên-VVMI
99	155/QĐ-HĐQT	09-07	Xếp loại doanh nghiệp 2017 C.ty CP KS Thái Nguyên
100	156/QĐ-HĐQT	09-07	Xếp loại doanh nghiệp 2017 C.ty CP CK&TBAL
101	157/QĐ-HĐQT	09-07	Xếp loại doanh nghiệp 2017 C.ty CP SX&KD VTTB
102	158/QĐ-HĐQT	09-07	Xếp loại doanh nghiệp 2017 C.ty CP ĐT&XD
103	159/QĐ-HĐQT	09-07	Xếp loại doanh nghiệp 2017 C.ty CP VLXD&KDTH

TT	Số văn bản	Ngày tháng	Trích yếu nội dung văn bản
104	160/QĐ-HĐQT	09-07	Xếp loại doanh nghiệp 2017 C.ty CP XM Tân Quang
105	161/QĐ-HĐQT	09-07	Xếp loại doanh nghiệp 2017 C.ty CP CKM Việt Bắc
106	162/QĐ-HĐQT	09-07	Xếp loại doanh nghiệp 2017 C.ty CP XM Quán Triều
107	163/QĐ-HĐQT	09-07	Xếp loại doanh nghiệp 2017 C.ty CP XM La Hiên
108	165/NQ-HĐQT	11-07	Thông qua giao cho TGD thực hiện quy trình để bổ nhiệm Giám đốc Công ty CP XM Quán Triều
109	166/NQ-HĐQT	11-07	Thông qua chuyển bước từ dự phòng sang khởi công mới và triển khai thực hiện DA Nhà ở công nhân Na Dương
110	167/NQ-HĐQT	11-07	Thông qua giao TGD triển khai thực hiện rà soát, xây dựng kế hoạch đầu tư đồng bộ thiết bị công suất lớn tại các mỏ lộ thiên.
111	168/NQ-HĐQT	11-07	Thông qua bảng chấm điểm cán bộ quản lý và người đại diện của TCT tại doanh nghiệp năm 2017
112	169/NQ-HĐQT	11-07	Thông qua dự án Hệ thống quan trắc môi trường tự động C.ty CP XM La Hiên
113	174/NQ-HĐQ	23-07	Thông qua bổ nhiệm lại chức vụ cán bộ quản lý tại C.ty Cp XM La Hiên
114	175/NQ-HĐQ	23-07	Thông qua phê duyệt phương án, dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu sửa chữa vách kính Nhà điều hành sản xuất TCT
115	176/NQ-HĐQ	23-07	Thông qua phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 7 “Cung cấp 01 máy san đường công suất >150HP”
116	177/QĐ-HĐQ	24-07	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 7 “Cung cấp 01 máy san đường công suất \geq 250HP” thuộc DA Đầu tư thiết bị phục vụ SX 2018
117	179/QĐ-HĐQT	25-07	Phê duyệt phương án, dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu sửa chữa vách kính Nhà điều hành sản xuất TCT
118	183/NQ-HĐQT	03-08	Thông qua Quy định quản lý xuất nhập cảnh đối với cán bộ, người lao động trong TCT CNM Việt Bắc
119	184/NQ-HĐQT	03-08	Thông qua quy hoạch các chức danh lãnh đạo của TCT giai đoạn 2016-2020 (sau rà soát bổ sung) giai đoạn 2020-2025.
120	185/NQ-HĐQT	03-08	Thông qua kế hoạch điều chỉnh kế hoạch ĐTXD năm 2018: chuyển bước từ kế hoạch chuẩn bị dự án- kế hoạch dự phòng lên kế hoạch chính thức- khởi công mới.
121	186/NQ-HĐQT	03-08	Công khai lợi ích của người có liên quan là ông Lê Quang Bình

TT	Số văn bản	Ngày tháng	Trích yếu nội dung văn bản
122	187/NQ-HĐQT	03-08	Thông qua phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 5 “Thẩm tra thiết kế BVTC- dự toán” thuộc DA Mở rộng nâng công suất mỏ Na Dương
123	188/QĐ-HĐQT	06-08	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 5 “Thẩm tra thiết kế BVTC- dự toán” thuộc DA Mở rộng nâng công suất mỏ Na Dương
124	189/QĐ-HĐQT	06-08	Ban hành Quy định quản lý xuất nhập cảnh đối với cán bộ, người lao động trong TCT CNM Việt Bắc
125	190/QĐ-HĐQT	06-08	Phê duyệt giá khởi điểm và phương án thoái vốn của TCT CNM Việt Bắc tại C.ty CP CK&TBAL
126	193/NQ-HĐQT	06-08	Chi trả thù lao Người đại diện TCT tại doanh nghiệp năm 2017
127	194/QĐ-HĐQT	15-08	Phê duyệt Quy hoạch các chức danh Lãnh đạo của TCT giai đoạn 2016-2020 (sau rà soát bổ sung) và giai đoạn 2020-2025
128	196/NQ-HĐQT	20-08	Thông qua phê duyệt Hồ sơ mời thầu gói thầu số 2 “Thi công xây dựng công trình thuộc DA Nhà ở công nhân-C.ty than Na Dương”
129	197/NQ-HĐQT	20-08	Thu xếp vốn cho dự án Mở rộng nâng công suất mỏ than Na Dương
130	198/NQ-HĐQT	20-08	Thông qua bổ sung Quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo các C.ty con, đơn vị trực thuộc
131	199/NQ-HĐQT	20-08	Thông qua phê duyệt KH lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 6: Khảo sát ĐCCT xưởng sàng (bổ sung) thuộc DA: Mở rộng nâng công suất mỏ than Na Dương.
132	200/NQ-HĐQT	20-08	Thông qua chủ trương lập phương án xây dựng đường tránh thay thế đường cũ chân bãi thải Tây của C.ty than Khánh Hòa
133	201/NQ-HĐQT	20-08	Thông qua giao Tổng giám đốc triển khai thực hiện các văn bản của TKV
134	202/NQ-HĐQT	20-08	Thông qua giao Tổng giám đốc triển khai thực hiện quy trình bổ nhiệm Giám đốc C.ty CP XM Quán Triều
135	203/NQ-HĐQT	20-08	Thông qua giao TGD chỉ đạo xây dựng HĐ hợp tác khai thác đá, sét
136	204/QĐ-HĐQT	20-08	Phê duyệt Quy hoạch các chức danh lãnh đạo của Công ty con giai đoạn 2016-2020 (sau rà soát bổ sung) giai đoạn 2020-2025
137	205/QĐ-HĐQT	21-08	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 6: khảo sát ĐCCT xưởng sàng (bổ sung) thuộc dự án mở rộng nâng công suất mỏ than Na Dương

TT	Số văn bản	Ngày tháng	Trích yếu nội dung văn bản
138	208/NQ-HĐQT	29-08	Bổ nhiệm Giám đốc Công ty CP XM Quán Triều
139	209/NQ-HĐQT	29-08	Xử lý vi phạm kỷ luật tại Công ty CP XM Quán Triều
140	210/NQ-HĐQT	29-08	Bổ nhiệm PTGD Công ty CP Cơ khí mở Việt Bắc
141	211/NQ-HĐQT	29-08	Thông qua Quy chế quản lý và sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi
142	212/QĐ-HĐQT	30-08	Ban hành “Quy chế quản lý và sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi của TCT CNM Việt Bắc”
143	221/QĐ-HĐQT	30-08	Phê duyệt quy hoạch cán bộ chức danh GD, PGD, Kế toán trưởng Trung tâm Điều dưỡng ngành than GD 2016-2020 (sau rà soát, bổ sung) và GD 2020-2025.
144	222/QĐ-HĐQT	30-08	Phê duyệt quy hoạch cán bộ chức danh GD, PGD, Kế toán trưởng C.ty than Núi Hồng GD 2016-2020 (sau rà soát, bổ sung) và GD 2020-2025.
145	223/QĐ-HĐQT	30-08	Phê duyệt quy hoạch cán bộ chức danh GD, PGD, Kế toán trưởng C.ty than Na Dương GD 2016-2020 (sau rà soát, bổ sung) và GD 2020-2025.
146	224/QĐ-HĐQT	30-08	Phê duyệt quy hoạch cán bộ chức danh GD, PGD, Kế toán trưởng C.ty than Khánh Hòa GD 2016-2020 (sau rà soát, bổ sung) và GD 2020-2025.
147	225/NQ-HĐQT	30-08	Giao TGD làm việc với tư vấn, định giá lại giá trị cổ phần của TCT tại C.ty con
148	227/QĐ-HĐQT	19-09	Ban hành Quy chế khoán quản trị chi phí trong KD
149	228/NQ-HĐQT	19-09	Giao TGD bổ nhiệm lại chức danh Trưởng phòng TCT
150	229/NQ-HĐQT	19-09	Thông qua hợp đồng hợp tác khai thác đá, sét giữa TCT với C.ty CP XM La Hiên
151	230/NQ-HĐQT	19-09	Thông qua giao TGD triển khai thực hiện các văn bản của TKV
152	231/NQ-HĐQT	19-09	Giao TGD chỉ đạo kiểm điểm trách nhiệm của những người có liên quan trong việc đề xảy ra các sai sót trong quản lý của C.ty CP XM Tân Quang
153	232/NQ-HĐQT	19-09	Giao TGD chỉ đạo công tác thu hồi công nợ các công ty con
154	233/NQ-HĐQT	19-09	Thông qua bổ nhiệm lại Giám đốc C.ty CP Khách sạn Thái Nguyên
155	235/NQ-HĐQT	03-10	Thông qua phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án ĐTTB phục vụ SX năm 2017- C.ty than Na Dương
156	236/NQ-HĐQT	03-10	Thông qua phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án ĐTTB phục vụ sản xuất năm 2017- C.ty than Núi Hồng

TT	Số văn bản	Ngày tháng	Trích yếu nội dung văn bản
157	237/NQ-HĐQT	03-10	Thông qua kết quả thực hiện kế hoạch PHKD 9 tháng/2018 và giao KH PHKD quý IV/2018 TCT
158	238/NQ-HĐQT	03-10	Bổ nhiệm Người phụ trách Quản trị Tổng Công ty
159	239/NQ-HĐQT	03-10	Thông qua định giá cổ phần để thoái vốn TCT CNM Việt Bắc tại các C.ty Cổ phần
160	240/NQ-HĐQT	03-10	Thông qua giao Tổng giám đốc chỉ đạo phối hợp với C.ty Tư vấn (BSC)
161	241/NQ-HĐQT	03-10	Thông qua phê duyệt phương án đền bù GPMB mở rộng khai trường SX giai đoạn III- C.ty than Na Dương
162	242/NQ-HĐQT	03-10	Thông qua quy hoạch chức danh Trưởng phòng, phó phòng TCT giai đoạn 2016-2020 (sau rà soát, bổ sung) và giai đoạn 2020-2025
163	243/QĐ-HĐQT	05-10	Bổ nhiệm Người phụ trách Quản trị Tổng Công ty
164	244/QĐ-HĐQT	05-10	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án: ĐTTB phục vụ SX năm 2017- C.ty than Na Dương
165	245/QĐ-HĐQT	05-10	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư DA: Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2017- C.ty than Núi Hồng
166	246/QĐ-HĐQT	05-10	Phê duyệt phương án đền bù GPMB mở rộng khai trường sản xuất giai đoạn II- C.ty than Na Dương
167	247/QĐ-HĐQT	05-10	Phê duyệt quy hoạch chức danh Trưởng phòng- Phó phòng TCT GD 2016-2020 (sau rà soát bổ sung) và giai đoạn 2020-2025
168	250/NQ-HĐQT	29-10	Thông qua thay đổi người đại diện TCT tham gia BKS tại các C.ty CP xi măng
169	251/NQ-HĐQT	29-10	Thông qua giao cho TGD chỉ đạo giải quyết tồn tại trong công tác đấu thầu tại C.ty CP XM Tân Quang
170	252/NQ-HĐQT	29-10	Thông qua phê duyệt phương án đền bù GPMB mở rộng bóc khai trường SX C.ty than Khánh Hòa
171	253/NQ-HĐQT	29-10	Thông qua phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 2 “Thi công xây dựng công trình” thuộc DA Nhà ở công nhân- C.ty than Na Dương
172	254/NQ-HĐQT	29-10	Thông qua phê duyệt định giá phần vốn của TCT tại C.ty CP Cơ khí và TB áp lực
173	255/NQ-HĐQT	29-10	Thông qua phê duyệt định giá phần vốn của TCT tại C.ty CP SX&KD VTTB
174	256/NQ-HĐQT	29-10	Thông qua phê duyệt định giá phần vốn của TCT tại C.ty CP CK&TBAL

TT	Số văn bản	Ngày tháng	Trích yếu nội dung văn bản
175	257/NQ-HĐQT	29-10	Thông qua phê duyệt phương án thoái vốn của TCT tại Cty CP SX&KD VTTB
176	258/NQ-HĐQT	29-10	Thông qua phê duyệt thuê khoan nổ mìn bờ trụ Công ty than Na Dương
177	259/NQ-HĐQT	29-10	Thông qua điều chỉnh KH ĐTXD năm 2018 TCT CNM Việt Bắc
178	260/QĐ-HĐQT	30-10	Thay đổi Người đại diện tham gia Ban kiểm soát tại Công ty CP XM La Hiên
179	261/QĐ-HĐQT	30-10	Thay đổi Người đại diện tham gia Ban kiểm soát tại Công ty CP XM Tân Quang
180	262/QĐ-HĐQT	30-10	Thay đổi Người đại diện tham gia Ban kiểm soát tại Công ty CP XM Quán Triều
181	263/QĐ-HĐQT	30-10	Phê duyệt phương án đền bù GPMB mở rộng Bắc khai trường sản xuất Công ty than Khánh Hòa
182	264/QĐ-HĐQT	30-10	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 2 “Thi công xây dựng công trình” thuộc DA Nhà ở công nhân-C.ty than Na Dương
183	265/QĐ-HĐQT	30-10	Phê duyệt điều chỉnh KH ĐTXD năm 2018 Công ty mẹ- TCT CNM Việt Bắc
185	267/QĐ-HĐQT	02-11	Phê duyệt kết quả định giá phần vốn của TCT tại C.ty CP SX&KD VTTB
186	268/QĐ-HĐQT	02-11	Phê duyệt kết quả định giá phần vốn của TCT tại C.ty CP CK&TB áp lực
187	269/QĐ-HĐQT	02-11	Phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn đầu tư của TCT tại C.ty CP CK&TBAL
188	270/QĐ-HĐQT	02-11	Phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn đầu tư của TCT tại C.ty CP SX&KD VTTB
189	273/NQ-HĐQT	15-11	Thông qua cấp bổ sung vốn chủ sở hữu cho Công ty than Núi Hồng, C.ty than Khánh Hòa, C.ty than Na Dương
190	274/NQ-HĐQT	15-11	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án: Bồi thường GPMB mở rộng khai trường SX và bãi đổ thải GD I-C.ty than Na Dương (đợt 3)
191	275/NQ-HĐQT	15-11	Thông qua chủ trương bổ nhiệm 01 PGĐ C.ty than Núi Hồng
192	276/NQ-HĐQT	15-11	Thông qua nội dung DA: Hệ thống cấp than dây chuyền lò quay số 2- C.ty CP XM La Hiên
193	277/NQ-HĐQT	15-11	Thông qua định mức dư nợ thường xuyên cho các C.ty xi măng



TT	Số văn bản	Ngày tháng	Trích yếu nội dung văn bản
194	278/NQ-HĐQT	15-11	Thông qua bảo lãnh vay vốn ngân hàng cho C.ty CP XM Quán Triều
195	279/NQ-HĐQT	15-11	Thông qua thời điểm thay thế Người đại diện của TCT tại C.ty CP XM La Hiên tham gia BKS C.ty
196	280/QĐ-HĐQT	15-11	Phê duyệt quyết toán DA BTGPMB mở rộng khai trường sản xuất và bãi đổ thải GD I- C.ty than Na Dương (đợt 3)
197	283/QĐ-HĐQT	29-11	Điều chỉnh nội dung dự án xin cấp giấy chứng nhận đầu tư
198	286/NQ-HĐQT	04-12	Thông qua đề Công ty CP XM La Hien tổ chức đấu thầu khai thác mỏ đá Đồng Chuông
199	287/NQ-HĐQT	04-12	Thông qua phê duyệt phương án mở rộng kho than tạm cấp than cho Nhà máy Nhiệt điện Na Dương.
200	289/NQ-HĐQT	11-12	Thông qua giao TGD triển khai thực hiện các văn bản của TKV
201	290/NQ-HĐQT	11-12	Tổ chức kỷ niệm 60 năm thành lập C.ty than Na Dương
202	291/NQ-HĐQT	11-12	Bổ nhiệm 01 PGĐ C.ty than Núi Hồng
203	292/NQ-HĐQT	11-12	Tiếp nhận cán bộ
204	293/NQ-HĐQT	11-12	Thông qua tạm đánh giá hiệu quả và xếp loại doanh nghiệp năm 2018
205	297/NQ-HĐQT	24-12	Thông qua bổ nhiệm lại Giám đốc Công ty CP Vật liệu XD & KDTH - VVMI
206	298/NQ-HĐQT	24-12	Thông qua bổ nhiệm lại Phó Giám đốc Công ty CP Đầu tư & xây dựng - VVMI
207	299/NQ-HĐQT	24-12	Thông qua bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty CP Sản xuất & KD VTTB - VVMI
208	300/NQ-HĐQT	24-12	Tạm giao KH PHKD năm 2019 Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP
209	301/NQ-HĐQT	24-12	Thông qua giao TGD phê duyệt điều chỉnh dự toán phương án khoan (trong lò)
210	302/NQ-HĐQT	24-12	Giao cho TGD chỉ đạo việc khai thác đá tại mỏ đá Tràng Đà
211	303/QĐ-HĐQT	24-12	Tạm giao các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch năm 2019 C.ty mẹ TCT CNM Việt Bắc
212	304/QĐ-HĐQT	24-12	Tạm giao các chỉ tiêu chủ yếu KH PHKD năm 2019 TCT CNM Việt Bắc
213	306/NQ-HĐQT	31-12	Giao KH PHKD quý I/2019- C.ty mẹ

TT	Số văn bản	Ngày tháng	Trích yếu nội dung văn bản
214	307/NQ-HĐQT	31-12	Thông qua đồng ý hạch toán giảm tài sản cố định thiếu trong kiểm kê C.ty than Khánh Hòa
215	308/QĐ-HĐQT	31-12	Đồng ý hạch toán giảm TSCĐ thiếu trong kiểm kê C.ty than Khánh Hòa
216	309/NQ-HĐQT	31-12	Thông qua điều chỉnh một số chỉ tiêu KH PHKD năm 2018
217	310/NQ-HĐQT	31-12	Thông qua điều chỉnh đơn giá tiền lương năm 2018
218	311/NQ-HĐQT	31-12	Giao TGD triển khai thực hiện chỉ đạo của TKV tại QĐ số 2363/QĐ-TKV
219	312/QĐ-HĐQT	31-12	Điều chỉnh một số chỉ tiêu KH PHKD năm 2018 TCT CNM Việt Bắc

2. Ban Kiểm soát:

a) Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Thị Lương Anh	Trưởng ban	28/8/2015	05	100%	
2	Lê Xuân Ngợi	Thành viên	28/8/2015	05	100%	
3	Phạm Xuân Vinh	Thành viên	18/4/2018	01	20%	
4	Nguyễn Thị Lịch	Thành viên	18/4/2018	03	60%	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: Năm 2018 Ban kiểm soát đã hoạt động bám sát các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và các quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Pháp luật Nhà nước:

- Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động giám sát, kiểm tra theo định kỳ hàng tháng, quý. Trong năm 2018, Ban kiểm soát Tổng công ty họp 05 lần (định kỳ và đột xuất) để thực hiện theo chương trình kế hoạch đã được xây dựng từ đầu năm.

- Thực hiện giám sát, kiểm soát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty; giám sát việc chấp hành Điều lệ, nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ, của HĐQT. Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cân trọng của Hội đồng quản trị trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu; của Tổng giám đốc trong các lĩnh vực quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh



doanh, báo cáo tài chính. Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh, mục tiêu chiến lược và mục tiêu kế hoạch của Tổng công ty năm 2018. Giám sát việc thực thi pháp luật, việc công bố thông tin.

- Trong năm 2018, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra giám sát theo kế hoạch hoạt động của ban đã được xây dựng từ đầu năm. Thực hiện kiểm tra giám sát một số chuyên đề về công tác khoán quản trị chi phí, công tác quản lý vật tư, kiểm tra việc quyết toán quỹ lương, công nợ phải thu của khách hàng; Giám sát tăng cường theo Nghị định 87/2015/NĐ-CP với 03 công ty cổ phần xi măng; Kiểm soát việc quản lý và sử dụng vốn tại văn phòng Tổng công ty và chi nhánh của Tổng công ty; Kiểm tra giám sát việc chấp hành của Người đại diện phần vốn của Tổng công ty về các vấn đề trên tại các công ty con của Tổng công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Tiền lương quyết toán năm 2018:

TT	Họ và tên	Chức danh	Tổng số tiền lương được hưởng năm 2018 (đồng)	Tiền lương bq tháng năm 2018 (đồng)
1	Trần Hải Bình	Tổng giám đốc	540 000 000	45 000 000
2	Vũ Đình Lên	Phó Tổng giám đốc	478 543 665	39 878 638
3	Ngô Ngọc Sơn	Phó Tổng giám đốc	486 000 000	40 500 000
4	Đặng Văn Tùng	Thành viên HĐQT chuyên trách	486 000 000	40 500 000
5	Vũ Minh Tân	Phó Tổng giám đốc	486 000 000	40 500 000
6	Lương Xuân Quang	Kế toán trưởng	450 000 000	37 500 000
7	Nguyễn Thị Lương Anh	Trưởng Ban KS	486 000 000	40 500 000
	Tổng cộng		3 412 543 665	

b) Thù lao Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát không chuyên trách năm 2018:

TT	Họ và tên	Chức danh	Tổng số tiền thù lao được hưởng năm 2018 (đồng)	Tiền thù lao bq tháng năm 2018 (đồng)
1	Lê Quang Bình	Chủ tịch HĐQT	74 400 000	6 200 000
2	Trần Hải Bình	Thành viên HĐQT	64 800 000	5 400 000
3	Vũ Đình Lên	Thành viên HĐQT	64 800 000	5 400 000
4	Vũ Minh Tân	Thành viên HĐQT	64 800 000	5 400 000
5	Phạm Xuân Vinh	Thành viên Ban KS	20 000 000	5 000 000
6	Nguyễn Thị Lịch	Thành viên Ban KS	40 000 000	5 000 000
7	Lê Xuân Ngợi	Thành viên Ban KS	60 000 000	5 000 000
	Tổng cộng		388 800 000	

- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có giao dịch.
c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có giao dịch.
d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện các quy định về quản trị công ty đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định của Pháp luật hiện hành.

VI. Báo cáo tài chính:

1. *Ý kiến kiểm toán:* Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP vào ngày 31/12/2018. Kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2018 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. *Báo cáo tài chính năm 2018 được kiểm toán của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP đã công bố thông tin theo quy định gồm:*

- Báo cáo tài chính năm Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

- Báo cáo tài chính hợp nhất Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Thành viên HĐQT, Ban KS (eOffice);
- Tổng GĐ, Các PTGĐ (eOffice);
- Các phòng Tổng công ty (eOffice);
- Lưu: VT, Thư ký Tcty. (T.05)

**Người đại diện theo Pháp luật
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trần Hải Bình